

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Sông Đà 19 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 869/QĐ-BXD ngày 18 tháng 6 năm 2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400450691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 09 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ kinh doanh, trong đó lần thứ 09 là ngày 23 tháng 5 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng)

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập	2.021.100.000	4,04
Ông Vũ Kim Long	470.000.000	0,94
Ông Trịnh Quốc Liễu	292.020.000	0,58
Ông Phan Văn Hào	629.540.000	1,26
Ông Trần Mạnh Cường	629.540.000	1,26
Các cổ đông khác	47.978.900.000	95,96
Cộng	50.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : TT9 - B78(59), khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 Điện thoại : 043 787 6376
 Fax : 043 787 6375
 Website : songda19.com.vn
 Mã số thuế : 0 4 0 0 4 5 0 6 9 1

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Chuẩn bị mặt bằng: dịch vụ nổ mìn; san lấp và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: đầu tư và kinh doanh bất động sản; kinh doanh cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác, chế biến khoáng sản (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của nhà nước cho phép);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn khoáng sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp, sân bay, bến cảng, cầu; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Phá dỡ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: xuất nhập khẩu vật tư và thiết bị;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: xây dựng các công trình giao thông;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: đầu tư xây dựng và kinh doanh điện;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: bán buôn vật liệu xây dựng;
- Trồng lúa;
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác: Các hoạt động gieo trồng ngô (trừ trồng ngô cây làm thức ăn cho gia súc) và các loại cây lương thực có hạt khác như lúa mỳ, lúa mạch, cao lương, kê;
- Trồng cây lấy củ có chất bột; trồng cây mía; trồng cây thuốc lá, thuốc lào; trồng cây lấy sợi;
- Trồng cây có hạt chứa dầu;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác: Các hoạt động trồng cây thức ăn gia súc như trồng ngô cây, trồng cỏ và quy hoạch, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên; thả bèo nuôi lợn; trồng cây làm phân xanh (muồng muồng),...;
- Trồng cây ăn quả; trồng cây lấy quả chứa dầu;
- Trồng cây điều; cây hồ tiêu; cây cao su; cây cà phê; cây chè; cây gia vị, cây dược liệu;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt; dịch vụ chăn nuôi; hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Xử lý hạt giống để nhân giống./.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán SJM) bị hủy niêm yết ngày 25 tháng 4 năm 2014 theo Quyết định số 142/QĐ-SGDHN ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do bị lỗ trong 3 năm liên tiếp 2011, 2012 và 2013. Ngày 20 tháng 5 năm 2014 cổ phiếu SJM được chấp thuận đăng ký giao dịch và ngày 22 tháng 5 năm 2014 cổ phiếu SJM chính thức được giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 35).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Mạnh Cường	Chủ tịch	12 tháng 4 năm 2013
Ông Vũ Trung Trực	Thành viên	12 tháng 4 năm 2013
Ông Vũ Kim Long	Thành viên	12 tháng 4 năm 2013
Ông Bùi Khắc Giang	Thành viên	12 tháng 4 năm 2013
Ông Đinh Quang Chiến	Thành viên	12 tháng 4 năm 2013

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thế Anh	Trưởng ban	12 tháng 4 năm 2013
Ông Bùi Tuấn Dũng	Thành viên	12 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	12 tháng 4 năm 2013

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Trung Trực	Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2012
Ông Phan Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 8 năm 2003
Ông Bùi Khắc Giang	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2010

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Trực

Ngày 02 tháng 3 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 48/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 19, được lập ngày 02 tháng 3 năm 2015, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

002
ANH
TY
HỮU
VÀ TƯ
C
NỘI
TP

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 19 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc

Lê Văn Khoa – Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1
Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2015

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.739.241.533	62.923.855.508
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	47.774.203	505.857.140
1. Tiền	111		47.774.203	505.857.140
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.761.176.181	43.468.526.782
1. Phải thu khách hàng	131		28.726.862.714	41.022.451.146
2. Trả trước cho người bán	132		3.206.554.885	2.678.554.885
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	22.435.893.608	23.071.920.418
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	(22.608.135.026)	(23.304.399.667)
IV. Hàng tồn kho	140		9.256.100.902	11.714.176.239
1. Hàng tồn kho	141	V.4	9.256.100.902	11.714.176.239
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.674.190.247	7.235.295.347
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	58.549.087
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	6.674.190.247	7.176.746.260

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.060.745.711	15.868.470.966
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		579.023.069	800.661.377
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	579.023.069	800.661.377
<i>Nguyên giá</i>	222		1.794.242.404	1.858.032.659
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.215.219.335)	(1.057.371.282)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		18.433.722.642	15.019.809.589
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	7.519.951.811
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.7	17.791.458.336	6.730.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	900.000.000	1.900.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.9	(257.735.694)	(1.130.142.222)
V. Tài sản dài hạn khác	260		48.000.000	48.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	48.000.000	48.000.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		66.799.987.244	78.792.326.474

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		47.391.478.605	57.071.554.182
I. Nợ ngắn hạn	310		47.210.748.834	56.660.804.702
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	10.308.440.689	14.757.666.064
2. Phải trả người bán	312		16.700.076.467	23.826.440.974
3. Người mua trả tiền trước	313		3.261.327.365	4.430.375.324
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	2.824.090.570	2.204.320.040
5. Phải trả người lao động	315		193.571.000	406.049.171
6. Chi phí phải trả	316	V.13	2.658.390.147	1.559.525.713
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	11.251.399.259	9.462.974.079
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.15	13.453.337	13.453.337
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		180.729.771	410.749.480
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.16	180.729.771	410.749.480
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.408.508.639	21.720.772.292
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	19.408.508.639	21.720.772.292
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13.510.260.157	13.510.260.157
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.057.911.703	3.057.911.703
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		775.138.871	775.138.871
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(47.934.802.092)	(45.622.538.439)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		66.799.987.244	78.792.326.474

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài			-		-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-		-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-		-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			49.616.895		49.616.895
5. Ngoại tệ các loại:					
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-		-

Lập ngày 02 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Hoàng Việt Thanh

Kế toán trưởng

Trần Trung Khin



Tổng Giám đốc

Vũ Trung Trực

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	13.003.429.300	34.885.556.529
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		13.003.429.300	34.885.556.529
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	12.319.136.169	35.375.932.928
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		684.293.131	(490.376.399)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	145.028.508	7.571.197
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	540.161.756	1.915.807.243
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.297.675.333	2.034.209.423
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2.093.133.435	26.697.583.578
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.803.973.552)	(29.096.196.023)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	3.294.571.736
12. Chi phí khác	32	VI.7	557.580.039	2.350.350.647
13. Lợi nhuận khác	40		(557.580.039)	944.221.089
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.361.553.591)	(28.151.974.934)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		180.729.771	205.374.740
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(230.019.709)	(205.374.740)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(2.312.263.653)</u>	<u>(28.151.974.934)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>(462)</u>	<u>(5.630)</u>

Người lập biểu

Hoàng Việt Thanh

Kế toán trưởng

Trần Trung Khìn

Lập ngày 02 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Trực

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(2.361.553.591)	(28.151.974.934)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	221.638.308	229.487.798
- Các khoản dự phòng	03	(1.568.671.169)	23.174.893.875
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(51.890.909)	(1.144.620.267)
- Chi phí lãi vay	06	1.297.675.333	2.034.209.423
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.462.802.028)	(3.858.004.105)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	10.162.324.435	8.925.982.714
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.458.075.337	17.833.352.433
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(5.492.677.672)	(19.302.119.451)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	3.441.500
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.216.577.634)	(1.444.988.360)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	326.528.980
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(47.959.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.448.342.438	2.436.234.620
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	3.253.318.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(500.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	1.042.800.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	542.800.000	3.253.318.182

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.544.150.810	10.455.686.993	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.993.376.185)	(16.183.789.443)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(4.449.225.375)</i>	<i>(5.728.102.450)</i>	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(458.082.937)	(38.549.648)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	505.857.140	544.406.788	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	47.774.203	505.857.140	

Người lập biểu

Hoàng Việt Thanh

Kế toán trưởng

Trần Trung Khìn

Lập ngày 02 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Trực

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, xây lắp
- Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 15 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 27 nhân viên).

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán SJM) bị hủy niêm yết ngày 25 tháng 4 năm 2014 theo Quyết định số 142/QĐ-SGDHN ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội do bị lỗ trong 3 năm liên tiếp 2011, 2012 và 2013. Ngày 20 tháng 5 năm 2014 cổ phiếu SJM được chấp thuận đăng ký giao dịch và ngày 22 tháng 5 năm 2014 cổ phiếu SJM chính thức được giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:
 - Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

• Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả cho phần diện tích Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.825.550	940.144
Tiền gửi ngân hàng	45.948.653	504.916.996
Cộng	47.774.203	505.857.140

2. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền BHXH, BHYT, BHTN phải thu nhân viên	109.355.625	66.057.794
Phải thu Ban Quản lý dự án Giao thông Nông thôn Đà Nẵng tiền đền bù giải phóng mặt bằng	9.557.000	9.557.000
Phải thu ông Trương Văn Tuấn - tiền cho vay	6.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu các chủ nhiệm công trình	16.300.040.983	16.996.305.624
Các khoản phải thu khác	16.940.000	
Cộng	22.435.893.608	23.071.920.418

3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản dự phòng phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(23.304.399.667)	
Hoàn nhập dự phòng	696.264.641	
Trích lập dự phòng bổ sung		(23.304.399.667)
Số cuối năm	(22.608.135.026)	(23.304.399.667)

4. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	6.655.190.247	7.157.746.260
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.000.000	19.000.000
Cộng	6.674.190.247	7.176.746.260

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	162.500.000	1.594.199.546	101.333.113	1.858.032.659
Thanh lý trong năm			(63.790.255)	(63.790.255)
Số cuối năm	162.500.000	1.594.199.546	37.542.858	1.794.242.404
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			37.542.858	37.542.858
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	82.942.692	873.095.477	101.333.113	1.057.371.282
Khấu hao trong năm	20.312.496	201.325.812		221.638.308
Thanh lý trong năm			(63.790.255)	(63.790.255)
Số cuối năm	103.255.188	1.074.421.289	37.542.858	1.215.219.335
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	79.557.308	721.104.069		800.661.377
Số cuối năm	59.244.812	519.778.257		579.023.069

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.594.199.546 VND và 519.778.257 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn.

7. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung ⁽ⁱ⁾	673.000	6.730.000.000	673.000	6.730.000.000
Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây ⁽ⁱⁱ⁾		11.061.458.336		
Cộng		17.791.458.336		6.730.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0401380849 thay đổi lần thứ 1 ngày 17 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung 6.730.000.000 VND, tương đương với 34,96% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 6100593280, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây 15.561.000.000 VND, tương đương 42,06% vốn điều lệ. Do thay đổi tỷ lệ sở hữu nên khoản đầu tư này được trình bày sang công ty liên kết. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 11.061.458.336 VND, vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây là 4.499.541.664 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		900.000.000		1.900.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch II ⁽ⁱ⁾			100.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkring ⁽ⁱ⁾	40.000	400.000.000	40.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
Cộng		900.000.000		1.900.000.000

⁽ⁱ⁾ Là khoản ủy thác đầu tư qua Tổng Công ty Sông Đà. Trong năm Công ty thoái vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch II.

9. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn		(380.000.000)
Dự phòng khoản lỗ của công ty con		(750.142.222)
Dự phòng khoản lỗ của công ty liên kết	(257.735.694)	
Cộng	(257.735.694)	(1.130.142.222)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.130.142.222)	(1.259.648.014)
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm		(10.494.208)
Hoàn nhập dự phòng	872.406.528	140.000.000
Số cuối năm	(257.735.694)	(1.130.142.222)

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Là chi phí thuê văn phòng		
Số đầu năm	48.000.000	51.441.500
Phát sinh tăng trong năm	96.000.000	192.000.000
Phân bổ vào chi phí SXKD trong năm	(96.000.000)	(195.441.500)
Số cuối năm	48.000.000	48.000.000

11. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn	9.558.990.689	13.508.216.064
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	749.450.000	1.249.450.000
Cộng	10.308.440.689	14.757.666.064

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay*

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	13.508.216.064	1.544.150.810	5.493.376.185	9.558.990.689
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.249.450.000		500.000.000	749.450.000
Cộng	14.757.666.064	1.544.150.810	5.993.376.185	10.308.440.689

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.729.798.878	591.782.816	680.514.660	1.641.067.034
Thuế thu nhập doanh nghiệp	374.141.437	180.729.771		554.871.208
Thuế thu nhập cá nhân	100.379.725	7.009.591	3.334.826	104.054.490
Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		524.097.838		524.097.838
Cộng	2.204.320.040	1.306.620.016	686.849.486	2.824.090.570

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.361.553.591)	(28.151.974.934)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(172.166.803)	23.525.793.640
- Các khoản điều chỉnh tăng	524.097.838	23.525.793.640
- Các khoản điều chỉnh giảm	(696.264.641)	
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.533.720.394)	(4.626.181.294)
Phân bổ thu nhập từ chênh lệch góp vốn vào Công ty con bằng tài sản được hoãn nộp thuế trong năm 2010	821.498.960	821.498.960
Thu nhập tính thuế	821.498.960	821.498.960
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	180.729.771	205.374.740

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết lỗ được chuyển như sau:

<i>Năm phát sinh lỗ</i>	Số lỗ phát sinh	Số lỗ được chuyển	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển
Năm 2011	(9.148.152.110)	(8.894.835.354)		(8.894.835.354)
Năm 2012	(11.518.937.596)	(11.923.043.193)		(11.923.043.193)
Năm 2013	(28.151.974.934)	(4.626.181.294)		(4.626.181.294)
Năm 2014	(2.361.553.591)	(2.533.720.394)		(2.533.720.394)
Cộng	(52.982.172.239)	(27.977.780.235)		(27.977.780.235)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Chi phí phải trả

Là khoản trích trước chi phí công trình

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	518.319.037	522.416.927
BHXH, BHYT, BHTN	248.589.704	232.396.879
Tiền khối lượng phải trả theo hợp đồng khoán	3.805.982.669	2.062.845.823
Tiền lãi vay phải trả các ngân hàng	5.916.546.803	5.916.546.803
Tiền lãi vay phải trả các cá nhân	286.062.081	204.964.382
Các khoản phải trả phải nộp khác	475.898.965	523.803.265
Cộng	11.251.399.259	9.462.974.079

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	6.800.381		6.800.381
Quỹ phúc lợi	6.652.956		6.652.956
Cộng	13.453.337		13.453.337

16. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	410.749.480	616.124.220
Hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(230.019.709)	(205.374.740)
Số cuối năm	180.729.771	410.749.480

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	13.510.260.157	3.057.911.703	775.138.871	(17.470.563.505)	49.872.747.226
Lợi nhuận trong năm trước					(28.151.974.934)	(28.151.974.934)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	13.510.260.157	3.057.911.703	775.138.871	(45.622.538.439)	21.720.772.292
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	13.510.260.157	3.057.911.703	775.138.871	(45.622.538.439)	21.720.772.292
Lợi nhuận trong năm nay					(2.312.263.653)	(2.312.263.653)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	13.510.260.157	3.057.911.703	775.138.871	(47.934.802.092)	19.408.508.639

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ		301.966.827
Doanh thu hoạt động xây dựng (*)	13.003.429.300	34.583.589.702
Doanh thu thuần	<u>13.003.429.300</u>	<u>34.885.556.529</u>
(*) Trong đó:		
Doanh thu phát sinh trong năm	16.082.311.288	35.270.682.416
Doanh thu các năm trước bị cắt giảm	(3.078.881.988)	(687.092.714)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		198.576.000
Giá vốn của hợp đồng xây dựng ⁽ⁱ⁾	12.319.136.169	35.177.356.928
Cộng	<u>12.319.136.169</u>	<u>35.375.932.928</u>

⁽ⁱ⁾ Giá vốn hợp đồng xây dựng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	4.413.374.410	12.602.929.411
Chi nhân công trực tiếp	2.881.273.714	3.944.623.663
Chi phí sử dụng máy thi công	216.732.728	431.569.091
Chi phí sản xuất chung	2.270.561.324	2.531.811.349
Chi phí thuê thầu phụ	1.071.014.111	8.014.529.467
Tổng chi phí sản xuất	10.852.956.287	27.525.462.981
Giảm chi phí các năm trước		(9.826.875.921)
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.458.075.337	17.813.093.674
Cộng	<u>13.311.031.624</u>	<u>35.511.680.734</u>
Giảm giá vốn các năm trước do giảm doanh thu	(991.895.455)	(334.323.806)
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	<u>12.319.136.169</u>	<u>35.177.356.928</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	2.228.508	7.571.197
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	142.800.000	
Cộng	<u>145.028.508</u>	<u>7.571.197</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.297.675.333	2.034.209.423
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(872.406.528)	(129.505.792)
Phí ủy thác đầu tư	90.909.091	
Chi phí tài chính khác	23.983.860	11.103.612
Cộng	<u>540.161.756</u>	<u>1.915.807.243</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.527.170.664	1.496.029.644
Chi phí vật liệu quản lý	297.039.131	389.756.183
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.647.000	27.803.545
Chi phí khấu hao TSCĐ	221.638.308	229.487.798
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	(696.264.641)	23.304.399.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	500.804.656	513.385.025
Chi phí bằng tiền khác	231.098.317	733.721.716
Cộng	<u>2.093.133.435</u>	<u>26.697.583.578</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		3.253.318.182
Thu thanh lý công cụ dụng cụ		12.100.000
Thu nhập khác		29.153.554
Cộng		<u>3.294.571.736</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định bán thanh lý		2.108.697.915
Giá trị còn lại của CCDC bán thanh lý		20.258.759
Thuế bị phạt, bị truy thu	524.097.838	221.393.973
Chi phí khác	33.482.201	
Cộng	<u>557.580.039</u>	<u>2.350.350.647</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.312.263.653)	(28.151.974.934)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.312.263.653)	(28.151.974.934)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(462)</u>	<u>(5.630)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.927.146.269	13.729.556.466
Chi phí nhân công	4.828.660.578	5.440.653.307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	221.638.308	229.487.798
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.603.506.040	9.086.932.469
Chi phí khác	1.365.138.527	25.736.416.519
Cộng	<u>12.946.089.722</u>	<u>54.223.046.559</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết góp vốn

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 6100593280, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thủy điện Đắk Lây 15.561.000.000 VND, tương đương 42,06% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 11.061.458.336 VND, vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Thủy điện Đắk Lây là 4.499.541.664 VND.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Ban điều hành</i>		
Công ty trả tiền vay ngắn hạn	500.000.000	100.000.000
Tiền lãi vay công ty phải trả	81.097.699	147.935.907
Nhận tạm ứng	619.000.000	690.000.000
Hoàn tạm ứng	50.000.000	339.592.897
<i>Ban kiểm soát</i>		
Nhận tạm ứng		30.000.000
Hoàn tạm ứng		176.764.050

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ban điều hành</i>		
Phải thu tiền tạm ứng	5.037.765.223	4.468.765.223
<i>Ban kiểm soát</i>		
Phải thu tiền tạm ứng	30.000.000	30.000.000
Cộng nợ phải thu	<u>5.067.765.223</u>	<u>4.498.765.223</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban điều hành		
Tiền vay ngắn hạn	500.000.000	1.249.450.000
Lãi vay	286.062.081	204.964.382
Cộng nợ phải trả	786.062.081	1.454.414.382

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	297.493.160	263.526.287
Phụ cấp	90.000.000	238.882.806
Cộng	387.493.160	502.409.093

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây		
Góp vốn bằng tiền	500.000.000	
Sông Đà 19 góp vốn bằng bù trừ công nợ	3.041.506.525	
Bán thanh lý tài sản cho Công ty con		1.933.000.000
Bán thanh lý công cụ dụng cụ cho Công ty con		13.310.000
Chuyển nhượng công trình đang thi công cho Công ty con		1.919.867.289
Các khoản Đăk Lây chi hộ	14.511.400	
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung		
Sông Đà 19 cung cấp		
Thu phụ phí	54.669.341	
Phải trả lại Sông Đà Miền Trung tiền phụ phí do cắt giảm công trình	29.744.136	
Bán thanh lý tài sản		1.587.850.000
Sông Đà Miền Trung cung cấp		
Tiền khối lượng công trình	1.071.014.111	163.995.510
Phải thu Sông Đà Miền Trung tiền khối lượng công trình bị cắt giảm năm trước	991.895.455	
Bù trừ công nợ	1.401.248.100	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây		
Tiền khối lượng công trình Thủy điện Đăk Lây và thuê ca máy		3.041.506.525

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung</i>		
Tiền khối lượng thi công công trình	407.655.559	
Cộng nợ phải thu	407.655.559	3.041.506.525
<i>Công ty TNHH Thủy điện Đăk Lây</i>		
Tiền chi hộ	14.511.400	
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung</i>		
Tiền khối lượng thi công công trình		932.749.245
Cộng nợ phải trả	14.511.400	932.749.245

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực Miền Bắc và khu vực Miền Trung.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng/tài sản của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	12.120.362.113	883.067.187		13.003.429.300
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.120.362.113	883.067.187		13.003.429.300
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	648.995.417	35.297.714		684.293.131
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				2.093.133.435
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(1.408.840.304)
Doanh thu hoạt động tài chính				145.028.508
Chi phí tài chính				540.161.756
Chi phí khác				557.580.039
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				180.729.771
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(230.019.709)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(2.312.263.653)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	96.000.000			96.000.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	296.067.385	21.570.923		317.638.308

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	20.631.620.221	14.253.936.308		34.885.556.529
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.631.620.221	14.253.936.308		34.885.556.529
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.240.844.774)	750.468.375		(490.376.399)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				26.697.583.578
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(27.187.959.977)
Doanh thu hoạt động tài chính				7.571.197
Chi phí tài chính				1.915.807.243
Thu nhập khác				3.294.571.736
Chi phí khác				2.350.350.647
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				205.374.740
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(205.374.740)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(28.151.974.934)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	192.000.000			192.000.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	251.306.866	173.622.432		424.929.298

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	25.179.081.096	22.560.160.437		47.739.241.533
Tài sản phân bổ cho bộ phận	584.441.725	42.581.344		627.023.069
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				18.433.722.642
Tổng tài sản				66.799.987.244
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	16.423.320.678	30.968.157.927		47.391.478.605
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				47.391.478.605

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Khu vực Miền Bắc</u>	<u>Khu vực Miền Trung</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	33.496.336.818	29.427.518.690		62.923.855.508
Tài sản phân bổ cho bộ phận	501.905.687	346.755.690		848.661.377
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				15.019.809.589
Tổng tài sản				<u>78.792.326.474</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	20.422.889.255	36.648.664.927		57.071.554.182
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				<u>57.071.554.182</u>

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là xây lắp.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan chủ yếu hoạt động xây lắp, việc thanh toán còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Tuy nhiên, rủi ro chỉ tập trung vào phần giá trị công trình chờ phê duyệt quyết toán nên rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng là trung bình.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty chỉ cho một cá nhân vay tiền. Ban Giám đốc nhận thấy có rủi ro khó có khả năng thu được hồi được khoản cho vay này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.774.203				47.774.203
Phải thu khách hàng	27.174.721.191		1.309.147.480	242.994.043	28.726.862.714
Các khoản phải thu khác	28.557.000			22.300.040.983	22.328.597.983
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	900.000.000				900.000.000
Cộng	28.151.052.394		1.309.147.480	22.543.035.026	52.003.234.900
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	505.857.140				505.857.140
Phải thu khách hàng	39.470.309.623		1.309.147.480	242.994.043	41.022.451.146
Các khoản phải thu khác	28.557.000			22.996.305.624	23.024.862.624
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	900.000.000			1.000.000.000	1.900.000.000
Cộng	40.904.723.763		1.309.147.480	24.239.299.667	66.453.170.910

Chi tiết thời gian quá hạn của Các khoản phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm		1.309.147.480
Quá hạn trên 2 năm	1.309.147.480	
Tổng	1.309.147.480	1.309.147.480

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	10.308.440.689			10.308.440.689
Phải trả người bán	16.700.076.467			16.700.076.467
Các khoản phải trả khác	12.796.663.991			12.796.663.991
Cộng	39.805.181.147			39.805.181.147

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	14.757.666.064			14.757.666.064
Phải trả người bán	23.826.440.974			23.826.440.974
Các khoản phải trả khác	9.921.469.312			9.921.469.312
Cộng	48.505.576.350			48.505.576.350

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty là khoản vay ngắn hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 206.168.814 VND (năm trước giảm/tăng 295.153.321 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư phù hợp với tình hình hoạt động.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19

Địa chỉ: TT9 - B78(59), Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.774.203		505.857.140		47.774.203	505.857.140
Phải thu khách hàng	28.726.862.714	(242.994.043)	41.022.451.146	(242.994.043)	28.483.868.671	40.779.457.103
Các khoản phải thu khác	22.328.597.983	(22.300.040.983)	23.024.862.624	(22.996.305.624)	28.557.000	28.557.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	900.000.000		1.900.000.000	(380.000.000)	900.000.000	1.520.000.000
Cộng	52.003.234.900	(22.543.035.026)	66.453.170.910	(23.619.299.667)	29.460.199.874	42.833.871.243

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	10.308.440.689	14.757.666.064	10.308.440.689	14.757.666.064
Phải trả người bán	16.700.076.467	23.826.440.974	16.700.076.467	23.826.440.974
Các khoản phải trả khác	12.796.663.991	9.921.469.312	12.796.663.991	9.921.469.312
Cộng	39.805.181.147	48.505.576.350	39.805.181.147	48.505.576.350

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Lập, ngày 02 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Hoàng Việt Thanh

Kế toán trưởng

Trần Trung Khìn

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Trực